

THÔNG BÁO GIA HẠN CHÀO GIÁ CẠNH TRANH
Gói thầu: Sửa chữa bảo dưỡng định kỳ 5 năm tàu HC12

Kính gửi: CÁC ĐƠN VỊ CUNG CẤP

Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh kính mời quý Công ty/đơn vị có đầy đủ tư cách pháp nhân, đủ điều kiện và năng lực tham gia chào giá cạnh tranh thực hiện gói thầu **Sửa chữa bảo dưỡng định kỳ 5 năm tàu HC12** kèm theo các điều kiện sau:

- Có giấy phép kinh doanh phù hợp với gói thầu, có các hợp đồng cung cấp dịch vụ tương tự đã thực hiện.
- Mỗi đơn vị cung cấp chỉ có một HSDX chào giá cạnh tranh.
- Tham gia dự mở hồ sơ đề xuất (HSDX) nếu muốn.
- Nếu nhận được thông báo trúng thầu, cam kết ký hợp đồng không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu.

Thời gian phát hành hồ sơ yêu cầu (HSYC) từ: **14h00' ngày 14 tháng 08 năm 2026 đến trước 10h00' ngày 19 tháng 08 năm 2026** (trong giờ hành chính).

- Địa chỉ phát hành HSYC chào giá: Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh, địa chỉ Số 1; đường Cái Lân; phường Bãi Cháy; Tỉnh Quảng Ninh.

- Mỗi đơn vị tham gia chào giá được cung cấp 01 bộ hồ sơ yêu cầu chào giá miễn phí hoặc tìm hiểu thông tin trên trang Web www.quangninhport.com.vn.

- Đề nghị Quý Công ty gửi chào giá (theo mẫu tại hồ sơ yêu cầu) đến chúng tôi bằng cách gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến địa chỉ sau:

Ông Hoàng Trọng Tùng – Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh.

+ Địa chỉ: Số 1 – đường Cái Lân – phường Bãi Cháy – Tỉnh Quảng Ninh.

+ Điện thoại : 0203.6283288.

- Hồ sơ chào giá phải được gửi đến Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh theo địa chỉ trên trước **10h00' ngày 19 tháng 08 năm 2026** (hồ sơ gửi sau thời điểm này không có giá trị xét chào giá).

- HSDX của các đơn vị cung cấp được mở công khai vào hồi: **14h00', ngày 19 tháng 08 năm 2026**, tại địa chỉ phát hành HSYC chào giá.

Rất mong nhận được sự quan tâm của các đơn vị cung cấp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban điều hành công ty (b/c);
- Phòng TCKT, VT;
- Gửi thông báo c/g: HCQT
- Đăng website: IT-TTĐĐ
- Lưu KTCN-AT

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUẢNG NINH



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Trọng Tùng

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh
Gói thầu: Sửa chữa bảo dưỡng định kỳ 5 năm tàu HC12

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần cảng Quảng Ninh;
- Căn cứ Nghị Quyết số 22/2026/NQ-HĐQT ngày 26/02/2026 về việc kế hoạch đầu tư, sửa chữa thiết bị công cụ năm 2026.
- Căn cứ Quyết định số 197/2026/QĐ-TGD ngày 16/06/2026 về việc thành lập Tổ xây dựng HSYC chào giá cạnh tranh gói thầu: Sửa chữa bảo dưỡng định kỳ 5 năm tàu HC12.
- Căn cứ Quyết định số 198/2026/QĐ-TGD ngày 16/06/2026 về việc thành lập Hội đồng thẩm định HSYC chào giá cạnh tranh gói thầu: Sửa chữa bảo dưỡng định kỳ 5 năm tàu HC12.
- Căn cứ dự thảo Hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh do Tổ xây dựng HSYC chào giá cạnh tranh lập, đã được Hội đồng thẩm định HSYC chào giá cạnh tranh thẩm định thống nhất tại biên bản họp ngày 03/07/2026;
- Căn cứ Nghị Quyết số 63/2026/NQ-HĐQT ngày 27/07/2026 về việc Thông qua chủ trương, Hồ sơ chào giá Sửa chữa bảo dưỡng định kỳ 5 năm tàu HC12.
- Theo đề nghị của Tổ xây dựng HSYC chào giá cạnh tranh, Hội đồng thẩm định HSYC chào giá cạnh tranh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh gói thầu: Sửa chữa bảo dưỡng định kỳ 5 năm tàu HC12.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Tổ xây dựng HSYC chào giá cạnh tranh: Chịu trách nhiệm quản lý, phát hành hồ sơ chào giá, tiếp nhận HSDX, mở HSDX, đánh giá HSDX thực hiện các thủ tục theo các quy định của Công ty.

Hội đồng thẩm định HSYC chào giá cạnh tranh: Chịu trách nhiệm phê duyệt HSYC chào giá cạnh tranh, thẩm định kết quả đánh giá HSDX, thương thảo hợp đồng để lựa chọn đơn vị Sửa chữa bảo dưỡng định kỳ 5 năm tàu HC12.

Điều 3. Các ông (bà) Ban tổng giám đốc công ty, Hội đồng thẩm định HSYC chào giá cạnh tranh, Tổ xây dựng HSYC chào giá cạnh tranh, thủ Trưởng các đơn vị phòng KTCN-AT, TCKT, Vật tư, Xí nghiệp CGHL, Xí nghiệp SC và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu KTCN-AT.

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUẢNG NINH



[Signature]
TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Trọng Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

Tên gói thầu: Sửa chữa bảo dưỡng định kỳ 5 năm trên đà tàu HC12

Địa điểm: Số 1 - Đường Cái Lân - Phường Bãi Cháy - Quảng Ninh.

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh.

Quảng Ninh, tháng/...../2026

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

Tên gói thầu: Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ 5 năm trên đà tàu HC12

Ngày phát hành:/...../2026

Ban hành kèm theo Quyết định số:...../2026/QĐ-TGD ngày/...../2026

Bên mời thầu

Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh




TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Trọng Hùng

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Từ ngữ viết tắt	
Phần thứ nhất: Chỉ dẫn đối với các đơn vị chào giá cạnh tranh	
Chương I: Yêu cầu về thủ tục chào giá cạnh tranh	
A. Tổng Quát	
Mục 1. Nội dung chào giá cạnh tranh	
Mục 2. Điều kiện tham gia chào giá cạnh tranh:	
Mục 3. HSYC, giải thích làm rõ HSYC và sửa đổi HSYC	
Mục 4. Khảo sát hiện trường	
B. Chuẩn bị HSDX	
Mục 5: Ngôn ngữ sử dụng	
Mục 6: Nội dung HSDX	
Mục 7. Đơn đề xuất chào giá cạnh tranh	
Mục 8. Đề xuất biện pháp thi công trong HSDX	
Mục 9. Giá đề xuất và biểu giá	
Mục 10. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của đơn vị chào giá	
Mục 11. Thời gian có hiệu lực của HSDX	
Mục 12. Quy cách của HSDX và chữ ký trong HSDX	
C. Nộp HSDX	
Mục 13. Thời hạn nộp HSDX	
Mục 14. HSDX nộp muộn	
Mục 15. Sửa đổi hoặc rút HSDX	
D. Mở thầu và đánh giá HSDX	
Mục 16. Mở HSDX chào giá cạnh tranh	
Mục 17. Làm rõ HSDX	
Mục 18. Đánh giá các HSDX	
E. Trúng chào giá cạnh tranh	
Mục 19. Điều kiện được xem xét đề nghị trúng chào giá cạnh tranh	
Mục 20. Thông báo kết quả lựa chọn đơn vị chào giá	
Mục 21. Hoàn thiện ký kết hợp đồng	
Mục 22. Kiến nghị trong chào giá cạnh tranh	
Mục 23. Xử lý vi phạm trong chào giá cạnh tranh	
Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX	
Mục 1. Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm của đơn vị chào giá	
Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật	
Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt tài chính	
Chương III. Biểu mẫu đề xuất	
Phần thứ hai: Yêu cầu về kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa	
Chương IV: Nội dung công việc Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ 5 năm tàu HC12	
Chương V. Bảng tiên lượng	
Chương VI. Tiến độ thực hiện dự án: Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ 5 năm tàu HC12	
Chương VII. Yêu cầu kỹ thuật	

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSYC	Hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh
HSDX	Hồ sơ đề xuất
VND	Đồng Việt Nam
CQN	Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

Phần thứ nhất
CHỈ DẪN ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ CHÀO GIÁ CẠNH TRANH
Chương I
YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC CHÀO GIÁ CẠNH TRANH
A. TỔNG QUÁT

Mục 1. Nội dung gói thầu:

1. Bên mời chào giá cạnh tranh: Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh, Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh.
2. Bên mời chào giá cạnh tranh, mời nhà thầu tham gia chào thầu gói thầu: **Kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ 5 năm trên đà tàu HC12.**
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày (trừ trường hợp bất khả kháng: lũ lụt, động đất.....).
4. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Vốn sản xuất kinh doanh của CQN.

Mục 2. Điều kiện tham gia dự chào giá cạnh tranh:

1. Nhà thầu phải là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp.
 - Hạch toán tài chính độc lập.
 - Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
 - Không trong thời gian bị cấm tham dự thầu.
2. Nhà thầu chỉ được tham gia trong một HSDX với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc là nhà thầu liên danh. Trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên theo Mẫu số 3 Chương III, trong đó quy định rõ thành viên đứng đầu liên danh, trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên đối với công việc thuộc gói thầu.

Mục 3. HSYC, giải thích làm rõ HSYC và sửa đổi HSYC

1. HSYC bao gồm các nội dung được liệt kê tại Mục lục của HSYC này. Việc kiểm tra, nghiên cứu các nội dung của HSYC để chuẩn bị HSDX thuộc trách nhiệm của nhà thầu.
2. HSYC được phát hành cho các nhà thầu có nhu cầu tham gia theo thời gian quy định trong thông báo mời thầu. Đối với nhà thầu liên danh, chỉ cần một thành viên trong liên danh mua hoặc nhận hồ sơ yêu cầu, kể cả trường hợp chưa hình thành liên danh khi mua hoặc nhận hồ sơ yêu cầu.
3. Trường hợp sửa đổi hồ sơ yêu cầu sau khi phát hành, bên mời thầu phải gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ yêu cầu đến các nhà thầu đã mua hoặc nhận hồ sơ yêu cầu.
4. Trường hợp cần làm rõ hồ sơ yêu cầu thì nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị đến bên mời thầu tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. Việc làm rõ hồ sơ yêu cầu được bên mời thầu thực hiện theo một hoặc các hình thức sau đây.
 - Gửi văn bản làm rõ cho các nhà thầu đã mua hoặc nhận hồ sơ yêu cầu.
 - Trong trường hợp cần thiết, tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong hồ sơ yêu cầu mà các nhà thầu chưa rõ. Nội dung trao đổi phải được bên mời chào giá cạnh tranh ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ hồ sơ yêu cầu gửi cho các nhà thầu đã mua hoặc nhận hồ sơ yêu cầu.
 - Nội dung làm rõ hồ sơ yêu cầu không được trái với nội dung của hồ sơ yêu cầu đã duyệt.Trường hợp sau khi làm rõ hồ sơ yêu cầu dẫn đến phải sửa đổi hồ sơ yêu cầu thì việc sửa đổi hồ sơ yêu cầu thực hiện theo quy định tại khoản 3 mục này.
5. Quyết định sửa đổi, văn bản làm rõ hồ sơ yêu cầu là một phần của hồ sơ yêu cầu

Mục 4. Khảo sát hiện trường.

1. Nhà thầu chịu trách nhiệm khảo sát hiện trường phục vụ cho việc lập HSDX. Bên mời chào giá cạnh tranh sẽ tạo điều kiện, hướng dẫn nhà thầu đi khảo sát hiện trường. Chi phí khảo sát hiện trường để phục vụ cho việc lập HSDX thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

2. Bên mời chào giá cạnh tranh không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đối với nhà thầu phát sinh từ việc khảo sát hiện trường như tai nạn, mất mát tài sản và các rủi ro khác.

B. CHUẨN BỊ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 5: Ngôn ngữ sử dụng

HSDX cũng như tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời chào giá cạnh tranh và nhà thầu liên quan đến việc dự chào giá cạnh tranh phải được viết bằng tiếng Việt.

Mục 6: Nội dung HSDX

HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm những nội dung sau:

1. Đơn đề xuất chào giá theo quy định tại Mục 7 Chương này.
2. Giá đề xuất chào giá và biểu giá theo quy định tại Mục 09 Chương này.
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 10 Chương này.
4. Đề xuất về mặt kỹ thuật theo quy định tại Phần thứ hai của HSYC này.
5. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 11 Chương này.
6. Các nội dung khác.

Mục 7. Đơn đề xuất chào giá cạnh tranh

1. Đơn đề xuất chào giá do nhà thầu chuẩn bị và được điền đầy đủ theo Mẫu số 1 Chương III, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ theo Mẫu số 2 Chương III).

2. Trường hợp ủy quyền, để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền, nhà thầu cần gửi kèm theo các tài liệu, giấy tờ để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền.

3. Đối với nhà thầu liên danh, đơn đề xuất chào giá phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn đề xuất chào giá. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập.

Mục 8. Đề xuất biện pháp thi công trong HSDX

Trừ các biện pháp thi công yêu cầu bắt buộc phải tuân thủ nêu trong HSYC, nhà thầu được đề xuất các biện pháp thi công cho các hạng mục công việc khác phù hợp với khả năng của mình và quy mô, tính chất của gói thầu nhưng phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật để hoàn thành công việc xây lắp theo thiết kế.

Mục 9. Giá đề xuất và biểu giá

1. Giá đề xuất là giá do nhà thầu nêu trong đơn đề xuất chào giá thuộc HSDX sau khi trừ phần giảm giá (nếu có). Giá đề xuất của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu về thi công nêu tại Phần thứ hai của HSYC này.

2. Giá đề xuất được chào bằng đồng tiền Việt Nam.

3. Nhà thầu phải ghi đủ các thông tin vào biểu giá như đơn giá, giá trị cho từng hạng mục công việc theo nội dung nêu trong Bảng tiên lượng theo Mẫu số 7 Chương III. Đơn giá đề xuất phải bao gồm các yếu tố: chi phí trực tiếp về vật liệu, nhân công, máy, các chi phí trực tiếp khác; chi phí chung, thuế; các chi phí khác được phân bổ trong đơn giá đề xuất như xây bển bãi, kho xưởng, điện, nước thi công, kể cả việc sửa chữa đền bù đường có sẵn mà thiết bị thi công của nhà thầu thi công vận chuyển vật liệu đi lại trên đó, các chi phí bảo vệ môi trường, cảnh quan do đơn vị thi công gây ra.

4. Trường hợp nhà thầu phát hiện tiên lượng chưa chính xác so với thiết kế, nhà thầu có thể thông báo cho bên mời chào giá cạnh tranh và lập một bảng chào giá riêng cho phần khối lượng sai

khác này để chủ đầu tư xem xét. Nhà thầu không được tính toán giá trị phần khối lượng sai khác này vào giá đề xuất.

5. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSDX hoặc nộp riêng song phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp thư giảm giá nộp cùng với HSDX thì nhà thầu phải thông báo cho bên mời chào giá cạnh tranh trước hoặc tại thời điểm đóng thầu, hoặc phải có bảng kê thành phần HSDX trong đó có thư giảm giá. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong Bảng tiên lượng. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tiên lượng.

Mục 10. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu:

a. Đối với nhà thầu độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau:

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đầu tư được cấp theo quy định của pháp luật hoặc có quyết định thành lập đối với các tổ chức không có đăng ký kinh doanh.

b. Đối với nhà thầu liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây:

- Các tài liệu nêu tại điểm a khoản này đối với từng thành viên trong liên danh.

- Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo quy định tại khoản 2 Mục 2 Chương này.

2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu.

a. Khả năng huy động máy móc thiết bị thi công được liệt kê theo Mẫu số 4 Chương III.

b. Kê khai cán bộ chủ chốt điều hành thi công tại công trường theo Mẫu số 6A và Mẫu số 6B Chương III.

c. Các hợp đồng đang thực hiện được liệt kê theo Mẫu số 8 Chương III.

d. Các hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện được liệt kê theo Mẫu số 9 Chương III.

e. Năng lực tài chính của nhà thầu được liệt kê theo Mẫu số 10 Chương III. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu liên danh là tổng năng lực và kinh nghiệm của các thành viên trên cơ sở phạm vi công việc mà mỗi thành viên đảm nhận, trong đó từng thành viên phải chứng minh năng lực và kinh nghiệm của mình là đáp ứng yêu cầu của HSYC cho phần việc được phân công thực hiện trong liên danh.

f. Các tài liệu khác.

3. Sử dụng nhà thầu phụ: Trường hợp nhà thầu dự kiến sử dụng thầu phụ khi thực hiện gói thầu thì kê khai phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ theo Mẫu số 5 Chương III.

Mục 11. Thời gian có hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX là 30 ngày kể từ thời điểm đóng thầu (ngày/....../2026). HSDX có thời gian hiệu lực ngắn hơn so với quy định tại khoản này là không hợp lệ và bị loại.

2. Bên mời chào giá cạnh tranh có thể gửi văn bản yêu cầu nhà thầu gia hạn thời gian có hiệu lực của HSDX một hoặc nhiều lần với tổng thời gian của tất cả các lần yêu cầu nhà thầu gia hạn không quá 30 ngày. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của nhà thầu này không được xem xét tiếp.

3.

Mục 12. Quy cách của HSDX và chữ ký trong HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc HSDX, ghi rõ "bản gốc".

2. HSDX phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn đề xuất, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX, biểu giá và các biểu mẫu khác phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký và đóng dấu.

3. Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn đề xuất) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).

C. NỘI DUNG HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 13. Thời hạn nộp HSDX

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX qua đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời chào giá cạnh tranh nhận được trước thời điểm đóng thầu:h00, ngày tháng năm 2026.

2. Bên mời chào giá cạnh tranh có thể gia hạn thời hạn nộp HSDX (thời điểm đóng thầu) trong trường hợp cần tăng thêm số lượng HSDX hoặc khi sửa đổi HSYC theo Mục 3 Chương này hoặc theo yêu cầu của nhà thầu khi bên mời chào giá cạnh tranh xét thấy cần thiết.

3. Khi gia hạn thời hạn nộp HSDX, bên mời chào giá cạnh tranh sẽ thông báo bằng văn bản cho các nhà thầu đã mua HSYC, đồng thời thông báo gia hạn thời hạn nộp HSDX sẽ được đăng tải trên trang Web www.quangninhport.com.vn. Khi thông báo, bên mời chào giá cạnh tranh sẽ ghi rõ thời điểm đóng thầu mới để nhà thầu có đủ thời gian sửa đổi hoặc bổ sung HSDX đã nộp (bao gồm cả hiệu lực của HSDX) theo yêu cầu mới. Nhà thầu đã nộp HSDX có thể nhận lại để sửa đổi, bổ sung HSDX của mình. Trường hợp nhà thầu chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDX thì bên mời thầu quản lý HSDX đó theo chế độ quản lý hồ sơ “mật”.

Mục 14. HSDX nộp muộn

Bất kỳ tài liệu nào, kể cả thư giảm giá (nếu có) được nhà thầu gửi đến sau thời điểm đóng thầu là không hợp lệ, bị loại và được trả lại theo nguyên trạng (trừ tài liệu làm rõ HSDX theo yêu cầu của bên mời thầu quy định tại Mục 17 Chương này).

Mục 15. Sửa đổi hoặc rút HSDX

Khi muốn sửa đổi hoặc rút HSDX đã nộp, nhà thầu phải có văn bản đề nghị và bên mời chào giá cạnh tranh chỉ chấp thuận nếu nhận được văn bản đề nghị của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu; văn bản đề nghị sửa đổi, rút HSDX phải được gửi riêng biệt với HSDX.

D. MỞ THẦU VÀ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 16. Mở thầu

Bên mời chào giá cạnh tranh chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong hồ sơ đề xuất của từng nhà thầu. Ngay sau thời điểm đóng thầu, vào lúc ngày/....../2026, bên mời thầu tiến hành mở các hồ sơ đề xuất và lập biên bản mở thầu giá cạnh tranh bao gồm các nội dung: Tên nhà thầu; giá chào; thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất; giá trị, thời gian thực hiện hợp đồng.

Mục 17. Làm rõ HSDX

1. Trong quá trình đánh giá HSDX, bên mời chào giá cạnh tranh có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ nội dung của HSDX (kể cả việc làm rõ đơn giá khác thường). Trường hợp HSDX thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì bên mời chào giá cạnh tranh yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung đề xuất kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDX của nhà thầu, việc làm rõ phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá đề xuất.

2. Trường hợp sau khi đóng thầu, nếu nhà thầu phát hiện HSDX thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên mời chào giá cạnh tranh có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDX.

3. Việc làm rõ HSDX chỉ được thực hiện giữa bên mời chào giá cạnh tranh và nhà thầu có HSDX cần phải làm rõ và phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự nộp HSDX. Nội dung làm rõ HSDX phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời chào giá cạnh tranh bảo quản như một phần của hồ sơ đề xuất.

Mục 19. Đánh giá các HSDX

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo trình tự như sau:

Kiểm tra tính hợp lệ của HSDX:

- a. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 mục 2 chương I.
- b. Có bản gốc hồ sơ đề xuất.
- c. Có đơn đề xuất được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu ; thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn đề xuất phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật; giá đề xuất ghi trong đơn đề xuất phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá đề xuất ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá đề xuất khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu. Đối với nhà thầu liên danh, đơn đề xuất phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn đề xuất theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh.
- d. Hiệu lực của hồ sơ đề xuất đáp ứng yêu cầu theo quy định trong HSYC.
- e. Không có tên trong hai hoặc nhiều hồ sơ đề xuất với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh).
- f. Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).
- g. Nhà thầu không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

- a. Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại mục 1 chương II: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm nhà thầu trong hồ sơ yêu cầu.
- b. Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá về kỹ thuật.

Đánh giá về kỹ thuật và giá:

- a. Đánh giá về kỹ thuật: theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định tại mục 2 chương II: Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật trong hồ sơ yêu cầu đối với các HSDX đáp ứng yêu cầu về tính hợp lệ và đạt yêu cầu về năng lực kinh nghiệm. Việc đánh giá các yêu cầu về kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. HSDX vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về kỹ thuật đều được đánh giá là “đạt”.
- b. So sánh giá chào:
 - Bên mời chào giá cạnh tranh tiến hành việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có).
 - Bên mời chào giá cạnh tranh so sánh giá chào của các HSDX đáp ứng về kỹ thuật để xác định HSDX có giá chào thấp nhất. Nhà thầu có giá chào thấp nhất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) sẽ được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng phải theo trình tự sau đây:

Cơ sở thương thảo:

- a. Báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất.
- b. Hồ sơ đề xuất và các tài liệu làm rõ hồ sơ đề xuất (nếu có) của nhà thầu.
- c. Hồ sơ yêu cầu.

Nguyên tắc thương thảo hợp đồng

- a. Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung mà nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu
- b. Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá đề xuất của nhà thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Trong quá trình đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện khối lượng mời chào giá nêu trong bảng tiên lượng mời chào giá thiếu so với hồ sơ thiết kế thì bên mời chào giá yêu cầu nhà thầu phải bổ sung khối lượng

công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong hồ sơ đề xuất chưa có đơn giá thì bên mời chào giá báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu.

c. Việc thương thảo đối với phần sai lệch thiếu thực hiện theo quy định.

Nội dung thương thảo hợp đồng

a. Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa hồ sơ yêu cầu và hồ sơ đề xuất, giữa các nội dung khác nhau trong hồ sơ đề xuất có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b. Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong hồ sơ đề xuất (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của nhà thầu nếu trong hồ sơ yêu cầu có quy định cho phép nhà thầu chào phương án thay thế.

c. Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu.

d. Thương thảo về các nội dung cần thiết khác

- Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).

- Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định.

E. TRÚNG THẦU

Mục 19. Điều kiện được xem xét đề nghị trúng thầu

Nhà thầu được xem xét đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có HSDX hợp lệ.
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu.
3. Có đề xuất về mặt kỹ thuật đáp ứng yêu cầu.
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá đề xuất.
5. Có giá đề xuất (sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch), trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất.

Mục 20. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, Bên mời chào giá cạnh tranh phải gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax. Trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải bao gồm các nội dung sau đây.

- a. Tên nhà thầu trúng thầu.
- b. Giá trúng thầu.
- c. Loại hợp đồng.
- d. Thời gian thực hiện hợp đồng.
- e. Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng đối với nhà thầu được công nhận trúng thầu.

Mục 21. Hoàn thiện ký kết hợp đồng

1. Điều kiện ký kết hợp đồng

- Tại thời điểm ký kết, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.
- Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh

thông tin về năng lực của nhà thầu, nếu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSYC thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ quyết định hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

- Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

2. Ký kết hợp đồng

- Sau khi lựa chọn được nhà thầu, chủ đầu tư và nhà thầu được lựa chọn phải tiến hành ký kết hợp đồng thực hiện gói thầu. Đối với nhà thầu liên danh, tất cả thành viên tham gia liên danh phải trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào văn bản hợp đồng. Hợp đồng ký kết giữa các bên phải tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Hợp đồng được ký kết giữa các bên phải phù hợp với nội dung trong hồ sơ yêu cầu, hồ sơ đề xuất, kết quả thương thảo hợp đồng, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Giá hợp đồng không được vượt giá trúng thầu. Trường hợp bổ sung khối lượng công việc ngoài hồ sơ yêu cầu dẫn đến giá hợp đồng vượt giá trúng thầu thì phải bảo đảm giá hợp đồng không được vượt giá gói thầu hoặc dự toán được phê duyệt

- Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực.

- Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng.

- Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 22. Kiến nghị trong chào giá cạnh tranh

- Nhà thầu tham gia chào thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề khác trong quá trình dự thầu khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định.

- Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư: Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh, Số 1, đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Quảng Ninh.

Mục 23. Xử lý vi phạm trong chào giá cạnh tranh

1. Trường hợp nhà thầu có hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định 63/CP và các quy định pháp luật khác liên quan.

2. Quyết định xử lý vi phạm được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và các cơ quan, tổ chức liên quan, đồng thời sẽ được gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đăng tải trên báo Đấu thầu và trang thông tin điện tử về đấu thầu, để theo dõi, tổng hợp và xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định xử lý vi phạm được thực hiện ở bất kỳ địa phương, ngành nào đều có hiệu lực thi hành trên phạm vi cả nước và trong tất cả các ngành.

4. Nhà thầu bị xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu có quyền khởi kiện ra Tòa án về quyết định xử lý vi phạm.

Chương II

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1. Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

Các tiêu chuẩn đánh giá về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu được sử dụng theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. Nhà thầu phải “đạt” cả 2 nội dung nêu tại các mục 1, 2 trong bảng dưới đây thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm và năng lực.

Tiêu chuẩn đánh giá kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu bao gồm các nội dung cơ bản sau:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)
1	Kinh nghiệm	
	1.1. Kinh nghiệm chung về sửa chữa tàu: Số năm hoạt động trong lĩnh vực sửa chữa tàu (bao gồm cả tính kế thừa theo lịch sử phát triển của nhà thầu)	3 năm
	1.2. Kinh nghiệm thi công gói thầu tương tự: - Số lượng Hợp đồng đóng hoặc sửa chữa phương tiện thủy, tàu với tư cách là nhà thầu chính hoặc thành viên của liên danh tại Việt Nam và nước ngoài trong thời gian 03 năm gần đây. - Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải có tối thiểu 1 hợp đồng đóng hoặc sửa chữa tàu, phương tiện thủy.	3 hợp đồng
2	Năng lực kỹ thuật đóng mới, sửa chữa tàu	
	2.1 Nhân sự chủ chốt: Các cán bộ phụ trách kỹ thuật chịu trách nhiệm chính về chất lượng công trình và có kinh nghiệm tối thiểu là 3 năm	3 người
	2.2 Trang thiết bị chủ yếu: - U, đốc, ... có đủ khả năng đưa tàu vào sửa chữa, bảo dưỡng. - Cầu tàu, luồng vào tàu dễ dàng (nếu thuê hoặc liên danh phải có hợp đồng thuê hoặc cam kết liên danh): + Chiều sâu luồng tàu vào vị trí cửa ụ, đốc	Có nhân lực, thiết bị để kiểm tra phần chìm dưới nước của tàu và vị trí gói kê cho tàu theo yêu cầu của chủ tàu. > 3.0 mét.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật: Áp dụng phương pháp chấm điểm

I. Đánh giá Kỹ thuật đóng mới/sửa chữa tàu

Tổng hợp chung về mặt kỹ thuật, mức điểm yêu cầu tối thiểu được quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm.

HSDX có tổng số điểm đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu, đồng thời số điểm của từng nội dung yêu cầu phải đạt $\geq 50\%$ tổng điểm mục đó, số điểm của từng hạng mục phải > 0 điểm thì sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật.

Số TT	Nội dung tiêu chuẩn đánh giá	Điểm Tối đa	Điểm tối thiểu
I	Về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu	15	
1	Số năm kinh nghiệm của nhà thầu về thực hiện cung cấp dịch vụ sửa	5	

	chữa tàu thủy.		
	Số năm hoạt động < 5 năm.	1	
	Số năm hoạt động $\geq$ 5 năm.	2	
	Số năm hoạt động $\geq$ 7 năm.	3	
	Số năm hoạt động $\geq$ 10 năm.	5	
2	Kinh nghiệm thực hiện gói thầu về cung cấp dịch vụ sửa chữa tàu thủy	10	
2.1	<i>Đã thực hiện dịch vụ sửa chữa tàu biển trong 5 năm gần đây.</i>	5	
	Kinh nghiệm: 0 hợp đồng	0	
	Kinh nghiệm: 5 hợp đồng	2	
	Kinh nghiệm: 10 hợp đồng	3	
	Kinh nghiệm: > 10 hợp đồng	5	
2.2	<i>Kinh nghiệm của nhà thầu thông qua việc thực hiện công tác cung cấp dịch vụ sửa chữa tàu biển có giá trị hợp đồng $\geq$ 500 triệu đồng, trong 5 năm gần đây.</i>	5	
	Kinh nghiệm: 0 hợp đồng	0	
	Kinh nghiệm: 05 hợp đồng	2	
	Kinh nghiệm: 10 hợp đồng	3	
	Kinh nghiệm: > 10 hợp đồng	5	
II	Giải pháp và phương pháp thực hiện công tác lập báo cáo đề xuất cung cấp dịch vụ sửa chữa tàu thủy.	5	
1	Hiểu biết của nhà thầu về mục đích, yêu cầu của gói thầu được nêu trong yêu cầu chào giá.	2	
	Hiểu không đúng	0	
	Hiểu đúng, hiểu đủ và hiểu giống nhau	2	
2	Cách tiếp cận và phương pháp luận: mức độ hoàn chỉnh hợp lý của phương pháp luận do nhà thầu đề xuất so với yêu cầu	1	
	Không đạt yêu cầu	0	
	Hoàn chỉnh và hợp lý	1	
3	Kế hoạch triển khai chương trình công tác *Đính kèm: Bảng kế hoạch phân công công tác của các thành viên tham gia gói thầu này. Đề cương thực hiện gói thầu gồm:	2	

3.1	Công tác điều tra, thu thập số liệu, tài liệu liên quan đến gói thầu		
3.2	Công tác khảo sát thực tế, thu thập số liệu.		
3.3	Phương án tham vấn cộng đồng		
3.4	Lập báo cáo đề xuất cung cấp dịch vụ		
III	Chất lượng cung cấp dịch vụ	<u>80</u>	
1	Khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, chứng chỉ: tôn sắt thép, thiết bị, vật tư, phụ tùng và khối lượng thi công đáp ứng các yêu cầu hồ sơ mời thầu:	<u>15</u>	
-	Các vật tư, phụ tùng thay thế cho máy chính đảm bảo số lượng, chất lượng và các yêu cầu khác đáp ứng hồ sơ yêu cầu theo các mục trong Bảng tiên lượng.	4	
-	Các vật tư, phụ tùng các máy móc thiết bị phụ, tôn sắt thép thay thế, hệ van, ống theo yêu cầu HSYC theo các mục trong Bảng tiên lượng.	4	
-	Các vật tư về sơn: theo yêu cầu về số lượng, chất lượng, và các yêu cầu khác đáp ứng HSYC theo các mục trong Bảng tiên lượng.	4	
-	Các vật tư khác: Trang thiết bị sinh hoạt, thiết bị hàng hải theo yêu cầu của HSYC theo các mục trong Bảng tiên lượng.	3	
2	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo an toàn lao động và phòng chống cháy nổ:	<u>10</u>	
-	Giải pháp kỹ thuật và biện pháp thi công chi tiết và có đầy đủ quy trình công nghệ chế tạo, thi công.	4	
-	Mặt bằng và tổ chức thi công.	3	
-	Các biện pháp vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và an toàn lao động.	3	
3	Tiến độ thi công	<u>15</u>	
	Tiến độ thi công > 35 ngày	0	
-	Tiến độ thi công 30-35 ngày	5	
-	Tiến độ thi công ≤ 30 ngày	15	
4	Thời gian bảo hành	<u>10</u>	
-	Thời gian bảo hành < 06 tháng	0	
-	Thời gian bảo hành ≥ 06 tháng	10	
5	Máy móc thiết bị thi công, thiết bị kiểm tra	<u>15</u>	

-	Tính đầy đủ (về chủng loại và số lượng): Phải kê khai đầy đủ các mục theo mẫu số 4 Chương III và phải phù hợp với bố trí nhân lực cũng như tiến độ của công trình.	8	
-	Tính sẵn sàng dễ huy động: Thiết bị máy móc thuộc sở hữu của Nhà thầu, hoặc đã ký hợp đồng thuê (phải chứng minh bằng các hồ sơ hợp lệ).	7	
6	Nhân sự bố trí cho công trình	<u>15</u>	
-	Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật đúng trình độ chuyên môn được đào tạo, có kinh nghiệm trên 3 năm công tác trong lĩnh vực đóng tàu.	5	
-	Cán bộ phụ trách kiểm tra chất lượng có kinh nghiệm trên 5 năm công tác trong lĩnh vực đóng tàu.	5	
-	Lực lượng công nhân kỹ thuật đáp ứng đủ, hợp lý. Trong đó có trên 50% công nhân bậc 4/7 trở lên được bố trí thi công cho gói thầu.	5	
	<u>Tổng điểm đánh giá về mặt kỹ thuật:</u>	<u>100</u>	<u>70</u>

Hồ sơ đề xuất được đánh giá “ĐẠT” sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và được tiếp tục xem xét đánh giá về mặt tài chính.

Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Xác định giá theo đánh giá tốt nhất

- Giá chào trong HSDX thấp nhất
- Thời gian thanh toán dài nhất

Bước 1: Sửa lỗi hiệu chỉnh sai lệch theo quy định

Bước 2: Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).

Bước 3: Xếp hạng nhà thầu: HSDX có giá trị dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

- HSDX phải được niêm phong kín.
- Nộp trước thời điểm đóng thầu.
- Không chấp nhận hồ sơ nộp muộn.

CHƯƠNG III BIỂU MẪU ĐỀ XUẤT

Mẫu số 1

ĐƠN ĐỀ XUẤT CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên bên mời thầu]
(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh số ____ [Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ] cùng với biểu giá kèm theo.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp hàng hóa theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày [Ghi số ngày], kể từ ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ghi thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đề xuất].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này). Trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu trúng thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm khoản 2 Điều 12 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Mục 15 Phần A của HSYC này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [Ghi tên dự án] do ____ [Ghi tên bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn chào giá;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu trúng thầu.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà
thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào giá theo quy định tại Mục 5 Phần A. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá cạnh tranh.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày . tháng _ năm _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____
[ngày được ghi trên HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ [Trường hợp được ủy quyền].

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận]. 3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng
- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSĐT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

⁽¹⁾ Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh ____ [Ghi cụ thể phần công việc và giá trị tương ứng, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh và nếu có thể ghi tỷ lệ phần trăm giá trị tương ứng].

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy đấu thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [Ghi tên dự án] theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG KÊ KHAI MÁY MÓC THIẾT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU ⁽¹⁾

Ghi

:

<i>Loại thiết bị thi công</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Công suất</i>	<i>Tính năng</i>	<i>Nước sản xuất</i>	<i>Năm sản xuất</i>	<i>Sở hữu của nhà thầu hay đi thuê⁽²⁾</i>	<i>Chất lượng thực hiện hiện nay</i>

chú

(1) Kê khai máy móc thiết bị thi công dùng riêng cho gói thầu này

(2) Trường hợp thuê máy móc thiết bị thi công thì cần có giấy tờ xác nhận (bản sao hợp đồng, bản cam kết hai bên ...).

Mẫu số 5

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

Stt	Tên nhà thầu phụ (nếu có) ⁽²⁾	Phạm vi công việc	Khối lượng công việc	Giá trị ước tính	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu chính (nếu có)
1					
2					
3					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp không sử dụng nhà thầu phụ thì không kê khai vào Mẫu này.

(2) Trường hợp nhà thầu dự kiến được tên nhà thầu phụ thì kê khai vào cột này. Trường hợp chưa dự kiến được thì để trống nhưng nhà thầu phải kê khai phạm vi công việc, khối lượng công việc và giá trị ước tính dành cho nhà thầu phụ.

DANH SÁCH CÁN BỘ CHỦ CHỐT

Stt	Họ tên	Chức danh ⁽³⁾
1		
2		
3		
...		

Ghi chú: Gửi kèm theo một bản khai tóm tắt năng lực, kinh nghiệm công tác của từng cán bộ chủ chốt theo Mẫu số 6B.

Mẫu số 6B

**BẢN KÊ KHAI NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM CỦA
CÁN BỘ CHỦ CHỐT**

Chức danh⁽⁴⁾: _____

1 - Họ tên: _____ Tuổi: _____

2 - Bằng cấp: _____
Trường: _____ Ngành: _____

3 - Địa chỉ liên hệ: _____ Số điện thoại: _____

Sau đây là Bảng tổng hợp kinh nghiệm chuyên môn theo trình tự thời gian:

Từ năm	Đến năm	Công ty / Dự án tương tự	Vị trí tương tự	Kinh nghiệm về kỹ thuật và quản lý tương ứng

Ghi chú: Gửi kèm theo bản chụp được chứng thực của các văn bằng, chứng chỉ liên quan.

Ngày _ tháng _____ năm _____

Người khai
[Ký tên]

B/ BẢNG GIÁ CHI TIẾT

1 Nhà thầu chào giá chi tiết theo bảng hướng dẫn dưới đây:

2 Ví dụ

H. MỤC	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Đ.Vị	Số lg	Hệ Số	Chi phí		
					Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Tổng (VND)
1	Boong chính						3.560.000
1.1	Nhân công						560.000
	Gỗ gi, doa chải vệ sinh đạt Sa 2.0	m2	140	1	1.000	140.000	
	Côn sơn 3 nước (chống gỉ, trung gian, phủ)	m2	420	1	1.000	420.000	
1.2	Vật tư	lít					3.000.000
	Sơn chống gỉ	Lít	20		50.000	1.000.000	
	Sơn chống gỉ	Lít	20		50.000	1.000.000	
	Sơn phủ	Lít	20		50.000	1.000.000	
....							
....							
....							
Tổng giá các hạng mục chưa bao gồm thuế VAT							3.560.000
Thuế VAT (...%)							356.000
Tổng giá chào (bao gồm ...% VAT), VND							3.916.000
<i>(Bảng chữ:)</i>							

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

3 Chú ý: Gửi kèm 01 file bảng tính Excel trên 01 USB, dùng font chữ Unicode Time New

Mẫu số 8

KÊ KHAI CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN CỦA NHÀ THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ (ghi tên đầy đủ của nhà thầu)

Stt	Tên hợp đồng	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Giá hợp đồng (hoặc giá trị được giao thực hiện)	Giá trị phần công việc chưa hoàn thành	Ngày hợp đồng có hiệu lực	Ngày kết thúc hợp đồng
1							
2							
...							

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng đang thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Trong trường hợp liên doanh, yêu cầu từng thành viên trong liên doanh kê khai theo mẫu này.

Mẫu số 9**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾**

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần đảm bảo các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[điền tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]- cung cấp thông tin về tàu tương tự		
Ngày ký hợp đồng	[điền ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[điền ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng	[điền tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương _____ VND hoặc USD [điền số tiền quy đổi ra VND hoặc USD]	
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh hoặc nhà thầu phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	[điền phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]	[điền số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương _____ VND hoặc USD [điền số tiền quy đổi ra VND hoặc USD]
Tên dự án:	[điền tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]		
Tên chủ đầu tư:	[điền tên đầy đủ của chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[điền đầy đủ địa chỉ hiện tại của chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[điền số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 1 Chương II ⁽²⁾			
1. Loại, cấp tàu	[điền thông tin phù hợp]		
2. Giá trị hợp đồng	[điền số tiền quy đổi ra VND hoặc USD]		
3. Cấp Hoán cải	[điền quy mô theo hợp đồng]		
4. Về độ phức tạp và điều kiện thi công	[mô tả về độ phức tạp của công trình]		
5. Các đặc tính khác	[điền các đặc tính khác theo Chương IV]		

KÊ KHAI NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Địa chỉ: _____

A. Tóm tắt các số liệu về tài chính trong 03 năm tài chính gần đây

Đơn vị tính: ____ (VND, USD...)

TT		Năm ____	Năm ____	Năm ____
1	Tổng tài sản			
2	Tổng nợ phải trả			
3	Tài sản ngắn hạn			
4	Nợ ngắn hạn			
5	Doanh thu			
6	Lợi nhuận trước thuế			
7	Lợi nhuận sau thuế			

B. Cam kết về lưu lượng tiền mặt sử dụng cho gói thầu:

1. Tài sản có thể chuyển thành tiền mặt: _____
(kèm theo tài liệu chứng minh)
2. Nguồn vốn tín dụng: _____
(kèm theo văn bản xác nhận của tổ chức cung cấp tín dụng)
3. Những phương tiện tài chính khác: _____
(kèm theo tài liệu chứng minh)

C. Tài liệu gửi đính kèm nhằm đối chứng với các số liệu mà nhà thầu kê khai gồm (nhà thầu chỉ cần nộp bản chụp được công chứng, chứng thực của một trong các tài liệu này):

1. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định của pháp luật trong 03 năm tài chính gần đây ;
2. Tờ khai tự quyết toán thuế hàng năm theo quy định của pháp luật về thuế (có xác nhận của cơ quan thuế là nhà thầu đã nộp Tờ khai) trong 03 năm tài chính gần đây;
3. Biên bản kiểm tra quyết toán thuế của nhà thầu (nếu có) trong 03 năm tài chính gần đây.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Trong trường hợp liên danh, yêu cầu từng thành viên trong liên danh kê khai theo mẫu này.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Công Ty Cổ Phần Cảng Quảng Ninh
(sau đây gọi là bên mời thầu)

Căn cứ vào việc *[ghi tên nhà thầu tham dự thầu]*, sau đây gọi là “nhà thầu”, sẽ tham dự đấu thầu gói thầu “**Kiểm Tra, Bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ 5 năm tàu HC12**” của Công Ty Cổ Phần Cảng Quảng Ninh.

Chúng tôi *[ghi tên ngân hàng, tổ chức tài chính]* có trụ sở đăng ký tại *[ghi địa chỉ của ngân hàng, tổ chức tài chính]* xin cam kết với bên mời thầu bảo lãnh cho nhà thầu tham dự đấu thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Chúng tôi cam kết sẽ chuyển ngay cho bên mời thầu khoản tiền nêu trên khi bên mời thầu có văn bản thông báo nhà thầu vi phạm các quy định về đấu thầu nêu trong HSYC.⁽²⁾

Bảo lãnh này có hiệu lực trong _____⁽³⁾ ngày kể từ ngày _____⁽⁴⁾. Bất cứ yêu cầu nào của bên mời thầu liên quan đến bảo lãnh này thì *[ghi tên ngân hàng, tổ chức tài chính]* phải nhận được trước khi kết thúc thời hạn nói trên.

Đại diện hợp pháp của *[ghi tên ngân hàng, tổ chức tài chính]*
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Trường hợp nhà thầu liên danh dự thầu và các thành viên trong liên danh thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu hoặc một thành viên thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì thay thế quy định này như sau: “Chúng tôi cam kết sẽ chuyển ngay cho bên mời thầu khoản tiền nêu trên khi bên mời thầu có văn bản thông báo nhà thầu hoặc bất kỳ thành viên nào trong liên danh dự thầu với nhà thầu vi phạm các quy định về chào giá cạnh tranh nêu trong HSYC.”

(3) Ghi theo quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I.

(4) Ghi theo thời điểm đóng thầu như quy định tại khoản 1 Mục 12 Chương I

Phần thứ 2

YÊU CẦU VỀ KIỂM TRA, BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA

Chương IV: NỘI DUNG CÔNG VIỆC KIỂM TRA, BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ TRÊN ĐÀ TÀU HC12

I/ Giới thiệu thông số kỹ thuật cơ bản của tàu

1. Thông số cơ bản

Tên tàu: HC 12 Công dụng: Tàu chở công nhân Vùng hoạt động: SI Tổ chức đăng kiểm: Việt Nam Chiều dài lớn nhất: 28.75 M Chiều rộng: 6.12 M Chiều cao mạn: 2M Mớn nước: 1.35 M	Máy chính Man B&W : kiểu máy : 6L 160 Công suất: 135 CV Chiều dày tôn: + Tôn đáy, tôn mạn, tôn hông, tôn boong: 6 mm + Sóng đuôi, sóng mũi: 8 mm
---	--

II/ Tóm tắt nội dung bảo dưỡng sửa chữa:

(Nội dung công việc bảo dưỡng sửa chữa cụ thể theo bảng tiên lượng)

1. Phần Vỏ tàu:

- Phần sắt hàn: Thay một số phần tôn, mã gia cường bị mục hỏng..., phù hợp với yêu cầu của đăng kiểm VR
- Phần Sơn: phun cát, gõ gỉ, vệ sinh sau đó sơn toàn bộ vỏ tàu, boong, hàm két, các kết cấu làm mới và các khu vực khác của tàu khi cần thiết.
- Bảo dưỡng, sửa chữa (nếu cần thiết) các hệ thống phụ trợ: Hệ thống neo, hệ cứu sinh cứu hỏa, hệ đệm va, hệ thống nghỉ khí hàng hải....

2. Phần máy: (Bảo dưỡng sửa chữa phù hợp với yêu cầu của đăng kiểm VR)

- Bảo dưỡng, sửa chữa máy chính
- Bảo dưỡng sửa chữa máy phát điện
- Bảo dưỡng sửa chữa hệ van ống trong buồng máy
- Bảo dưỡng hệ thống lái
- Bảo dưỡng hệ trục chân vịt

III/ Dự kiến thời gian bảo dưỡng sửa chữa:

- Tổng thời gian Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa dự kiến: 30 ngày.
- Thời gian bắt đầu Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa dự kiến muộn nhất từ ngày **21/9/2026**

Chương V: Bảng Danh mục bảo dưỡng sửa chữa tàu HC12

(Có bảng tiên lượng kèm theo)

Chương VI: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN: KIỂM TRA, BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ TRÊN ĐÀ BÀN TIẾN ĐỘ THI CÔNG: KIỂM TRA, BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ TRÊN ĐÀ TÀU HC12

Tiến độ để hoàn thành công trình không vượt quá ... ngày kể từ ngày khởi công. Nếu nhà thầu đưa tiến độ thi công vượt quá ... ngày thì hồ sơ sẽ không được xem xét.

Nhà thầu cần lập bảng tiến độ thi công chi tiết từ khi nhận và đưa tàu vào sửa chữa tới khi hoàn thành hợp đồng theo ngày

HẠNG MỤC SỬA CHỮA			THỜI GIAN SỬA CHỮA TÀU : (NGÀY)																		
			1	2	3	4	5	6	7	...	...	...	...	...	...	...	...	...	33	34	35
1	Nhận tàu vào bảo dưỡng sửa chữa																				
2	Kiểm tra tình trạng kỹ thuật của tàu trước khi đưa tàu vào dock.																				
3	Thời gian tàu nằm trên dock/ụ/đà bảo dưỡng sửa chữa																				
...	Nhà thầu thực hiện công việc bảo dưỡng sửa chữa các hạng mục công việc khu vực chìm nước (nêu cụ thể chi tiết)																				
...																					
4	Thời gian tàu nằm cầu tàu để hoàn thiện nốt công việc bảo dưỡng sửa chữa																				
...	Nhà thầu thực hiện nốt các hạng mục công việc còn lại (nêu cụ thể chi tiết)																				
...	Thủ tải kiểm tra các hệ thống và máy móc thiết bị tại bến/đường dài theo yêu cầu của đăng kiểm và chủ tàu																				
5	Bàn giao tàu cho Cảng Quảng Ninh																				

Ngày.....tháng.....năm 20.....
(Người lập biểu ký tên và đóng dấu)

Lưu ý: Trong vòng 7 ngày kể từ khi bàn giao tàu, bên B phải có trách nhiệm tiến hành kiểm tra, giải thể xong các khuyết tật, hỏng hóc của tàu theo những hạng mục đã được bên A yêu cầu trong bảng tiến lượng và xác định khối lượng công việc, phụ tùng, vật tư cần thiết bổ sung cho công việc bảo dưỡng sửa chữa, thông báo cho bên A biết bằng văn bản

Chương VII: YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1- Các quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu:

- Theo tiêu chuẩn, quy trình, hướng dẫn của nhà chế tạo
- Bộ QCVN 72:2013/BGTVT phiên bản cập nhật mới nhất
- Hướng dẫn Giám sát kỹ thuật tàu biển của Đăng kiểm Việt Nam phần B-04

2- Các yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát:

- Các hạng mục công việc phải được thi công đúng quy trình, khi chuyển bước công nghệ phải được giám sát kỹ thuật, thanh tra viên đăng kiểm kiểm tra, chấp thuận.
- Thuyền, máy trưởng và Giám sát kỹ thuật có quyền đình chỉ các công việc thực hiện không đúng với quy trình kỹ thuật, công nghệ.

3- Các yêu cầu về chủng loại chất lượng vật tư:

- Tôn tấm, thép hình, vật liệu hàn: Là loại tôn dùng trong công nghiệp đóng tàu.
- Thiết bị điện, máy và các phụ kiện đi kèm yêu cầu phải đảm bảo thỏa mãn chất lượng được đăng kiểm VR chấp thuận.
- Các loại van thông biển, thông mạn: Yêu cầu là loại van dùng cho tàu biển, và được đăng kiểm VR chấp thuận.
- Các loại ống sử dụng cho hệ thống bơm nước, bơm dầu trong buồng máy: Yêu cầu ống đúng kích thước, quy cách sử dụng cho tàu biển và được đăng kiểm VR chấp thuận.
- Các vật tư thay thế cho máy chính, máy phát điện phải đảm bảo phù hợp và là hàng mới 100%.

4- Các yêu cầu về vận hành, thử thiết bị:

- Các máy móc, thiết bị sau khi bảo dưỡng, sửa chữa xong phải được thử kiểm tra hoạt động, thử tải theo quy trình thử được thống nhất giữa Ban chỉ huy tàu, giám sát kỹ thuật, đơn vị thi công và thanh tra đăng kiểm (nếu cần).
- Sau khi hoàn thành toàn bộ công việc bảo dưỡng, sửa chữa phải tiến hành thử tàu đường dài theo quy trình thử bàn giao tàu. Nhà thầu phải chuẩn bị đầy đủ nhân lực, trang thiết bị đảm bảo cuộc thử đạt kết quả tốt.

5- Các yêu cầu về phòng chống cháy nổ:

- Các hạng mục công việc bảo dưỡng và sửa chữa chỉ được thực hiện khi đã áp dụng đầy đủ các biện pháp an toàn và phòng chống cháy, nổ.
- Khi thực hiện các công việc phát sinh nhiệt, tia lửa phải có giấy phép làm việc do Thuyền trưởng hoặc Máy trưởng cấp và phải chuẩn bị các phương tiện che chắn, bình chữa cháy di động loại xách tay, vòi nước cứu hỏa ... đồng thời phải cắt cử người trực canh gác lửa.
- Tất cả nhân viên tham gia công tác bảo dưỡng sửa chữa tàu đều phải được phổ biến và hiểu biết nội quy an toàn, phương án phòng chống cháy nổ.
- Các phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy phải luôn được duy trì trong tình trạng hoạt động tốt.

6- Các yêu cầu về an toàn lao động:

- Khi tiến hành các công việc sửa chữa, bảo dưỡng trên tàu, các công nhân phải tuân thủ qui định về trang thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) gồm: mặc quần áo bảo hộ lao động (BHLĐ) phù hợp, đội mũ BHLĐ, đi giày chống trượt và các trang thiết bị an toàn khác bắt buộc cho từng công việc như: đeo dây an toàn khi làm việc trên cao, đeo kính bảo hộ hay sử dụng mặt nạ khi hàn cắt ...v...v.
- Trước khi tiến hành làm việc trong hầm kín, phải tiến hành vệ sinh, thông gió, đo kiểm tra nồng độ oxy, khí độc. Công việc chỉ được tiến hành khi có giấy phép làm việc trong hầm kín và trong suốt quá trình làm việc phải tuân thủ các quy định của quy trình an toàn làm việc trong hầm kín như thông gió, trực canh, cảnh báo
- Khi lên tàu làm việc, các nhân viên và công nhân của bên B phải nghiêm chỉnh chấp hành việc kiểm soát an ninh của tàu và bên A.
- Thuyền, máy trưởng và Giám sát kỹ thuật có quyền đình chỉ các công việc khi thấy không đảm bảo an toàn.

7- *Biện pháp huy động nhân lực thiết bị phục vụ thi công:*

- Nhà thầu phải có các biện pháp huy động nhân lực thiết bị phục vụ thi công phù hợp để đảm bảo tiến độ bảo dưỡng sửa chữa tàu. Trong trường hợp cần thiết phải bố trí làm thêm giờ, tăng ca.

8- *Yêu cầu về hệ thống kiểm tra giám sát chất lượng của nhà thầu:*

- Nhà thầu phải có bộ phận kiểm tra giám sát chất lượng công việc bảo dưỡng sửa chữa tàu. Sau mỗi bước công việc, cán bộ giám sát chất lượng của nhà thầu phải tiến hành kiểm tra chất lượng thực hiện công việc trước khi thông báo cho chủ tàu, thanh tra đăng kiểm để kiểm tra chuyển bước công nghệ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – tự do – Hạnh phúc

Ngàytháng.....năm 2026

HẠNG MỤC SỬA CHỮA BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ 5 NĂM TÀU HC12

Stt	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Đv	Sl	Đơn giá	Thành tiền
A	CHI PHÍ CHUẨN BỊ				
1	Đưa tàu lên đà và hạ thủy	lượt	2		
2	Tàu lai dắt phục vụ đưa tàu ra, vào cầu	lượt	2		
3	Đào căn kê phục vụ sơn	lần	1		
4	Ngày tàu nằm triển để sửa chữa	ngày	30		
5	Ngày tàu nằm cầu bến sửa chữa hoàn chỉnh	ngày	10		
6	Điện sinh hoạt	kw	500		
7	Nước ngọt 15 m3 sinh hoạt + 30m3 nước dẫn)	m3	45		
8	Trực bảo vệ & phòng cháy chữa cháy	ngày	40		
9	Vệ sinh, xử lý rác thải trong quá trình sửa chữa	tàu	1		
10	Lệ phí cấp hồ sơ cho tàu	tàu	1		
11	Phí đăng kiểm, giám sát kỹ thuật tàu phục vụ đăng kiểm				
B	PHẦN VỎ				
12	Kẻ vẽ món nước + vòng tròn đăng kiểm	tàu	1		
13	Siêu âm đo chiều dày tôn	tàu	1		
14	Thay tôn vỏ tàu + xương (dày 6,8 mm)	kg	1,500		
15	Tôn be chắn sóng: 5.000 x 300 x 6 mm	kg	70		
16	Thép be chắn sóng: L75 x 75 x 6 mm	kg	40		
17	Con chạch be chắn sóng: Ống Ø 168 x 50.000/2 x 10 mm	kg	1,000		
18	Chân cabin: 16.000 x 300 x 6 mm	kg	226		
19	Nắp hầm kho: 600 x 870 x 6 mm	kg	26		
20	Gioăng cao su nắp hầm (9 cái) (3m)	cái	9		
21	Gioăng cao su cửa kt 5.000 x 50 mm / 1 cửa	cửa	5		
22	Viên be nóc ca bin 100 x 12.000 x 6 mm (60kg)	met	12		
23	Viên be nóc giàn bạt 200 x 24.000 x 6 mm (230kg)	met	24		
24	Nắp hộp bảo vệ đèn mạn 2 bên 320 x 250 x 6 / 1 cái	cái	2		
25	Cột đèn Ø 60 x 700 x 8 mm	bộ	1		

26	Kính + gioăng cửa nhà vệ sinh Ø 260 mm	bộ	1		
27	Kính + gioăng cửa cabin 350 x 330 mm	bộ	2		
28	Cửa táp lô buồng ngủ Ø 450 mm	cái	6		
29	Cửa táp lô buồng máy Ø 280 mm	cái	8		
30	Hộp thông biển 400 x 320 x 570 x 6	cái	2		
31	Tôn nắp hầm máy 3.000 x 3.000 x 6	kg	420		
32	Két nước ngọt buồng máy 310 x 310 x 420 x 5 mm	cái	1		
33	Hàn xâm thực (vị trí bị mòn, bị xâm thực)	Công	10		
	<u>Thêm</u>				
34	Ống giàn bọt: ống 48=12met	met	12		
35	Chân giàn bọt: ống 90=18met	met	18		
36	Tôn mặt boong: tôn 6	kg	1,000		
37	Tôn sạp buồng máy: tôn 6	kg	500		
38	Nhân công sửa chữa be chắn sóng	công	18		
II	Phần làm sạch và sơn (dùng sơn tàu biển Chogoku)				
	Phần vỏ tàu (235 m2)	m2	235		
39	Cạo hà vỏ tàu	m2	150		
40	Phun cát vỏ tàu đạt tiêu chuẩn để sơn	m2	235		
41	Công sơn 5 nước toàn bộ phần vỏ tàu (235m2x5)	m2	1,175		
42	Sơn chống rỉ (2 lớp)	lít	103		
43	Sơn trung gian (1 lớp)	lít	40		
44	Sơn chống hà (2 lớp dưới mớn)	lít	54		
45	Sơn phủ (2 lớp trên mớn)	lít	54		
46	Dung môi pha sơn rửa máy (12%)	lít	30		
	Phần mặt boong chính, be chắn sóng và các thiết bị khác trên boong chính	m2	421		
47	Gỗ giũa chà toàn bộ bề mặt	m2	421		
48	Công sơn 4 nước	m2	1,684		
49	Sơn chống rỉ (2 lớp)	lít	151		
50	Sơn phủ (2 lớp)	lít	152		
51	Dung môi pha sơn rửa máy (12%)	lít	40		
	Phần cabin, nóc		157		
52	Phun cát đạt tiêu chuẩn để sơn	m2	157		
53	Công sơn 4 nước	m2	628		
54	Sơn chống rỉ (2 lớp)	lít	69		
55	Sơn phủ (2 lớp)	lít	57		
56	Dung môi pha sơn rửa máy (12%)	lít	15		
	Vệ sinh phần hầm, két				
57	Dọn vệ sinh buồng máy để thay tôn đáy + sửa máy	khoang			

58	Két nước ngọt	két	4		
59	Két dự trữ	két	2		
60	Két trực nhật	két	1		
61	Két nước làm mát máy	két	1		
62	Két dầu hồi dầu nhớt	két	1		
63	Khoang hầm kho	hầm	1		
64	Khoang hầm neo	hầm	1		
65	Khoang hầm trực	hầm	1		
66	Khoang trống hầm trực	hầm	1		
	Gỗ ri, sơn các hầm két:				
67	Gỗ ri các két (40% diện tích)	m2	160		
68	Công sơn chống ri (2 lớp)	m2	320		
69	Sơn chống ri	lit	70		
70	Công sơn chống độc két nước ngọt (4 két)	m2	184		
71	Sơn chống độc	lit	40		
72	Dung môi pha sơn rửa máy (12%)	lít	13		
	Hệ thống neo				
73	Cầu trái neo, xông 2 đường xích neo, khóa chặn xích	đường	2		
74	Đo đường kính xích neo, lập báo cáo, trình đăng kiểm (xích neo $\Phi 22$)	đường	2		
75	Gỗ gi xích neo, xích neo	đường	2		
76	Công sơn chống gỉ , sơn đen neo, xích neo	đường	2		
77	Sơn đen	lít	25		
78	Sơn chống ri	lít	25		
79	Bảo dưỡng hệ thống neo, Hàn đắp, phục hồi vấu lai xích, Bảo dưỡng hệ thống phanh	hệ	1		
80	Bệ tời neo: thép U120 x 6.000 x 7,5 mm (cắt tời cũ ra, làm và lắp đặt tời mới vào)	bộ	1		
81	Nhân công làm lại 02 mắt neo (thay ống, thay mắt neo) + bao gồm cầu	bên	2		
	Vật tư thay thế mắt neo				
82	Ống dẫn hướng tời neo $\Phi 200$ mm 2.500 mm x 10 mm / 1 bên (x2 bên)	kg	235		
83	Sắt tròn 27 viên neo x 1000 mm x 2 bên	kg	5		
84	Tôn mắt neo x 2 bên	kg	60		
85	Bảo dưỡng khoá neo	cái	2		
86	Má phanh tời neo - làm mới	cái	2		
87	Gu giông bắt tời neo M30 x 750 mm + công	cái	2		
88	Bu lông bắt hộp số tời neo M20 x 80 mm + công	bộ	10		

C	PHẦN ĐIỆN				
89	Sửa chữa bảo dưỡng hệ thống điện 24V	tàu	1		
90	Sửa chữa bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng 220V				
91	Bảo dưỡng máy phát điện 10KW (động cơ, máy phát) - tắm sấy, đồ sơn cách điện	bộ	1		
92	Bảo dưỡng đề khởi động máy chính 24V	bộ	1		
93	Đèn mạn (gồm cả các phụ kiện liên quan)	bộ	2		
94	Đèn cột trắng (gồm cả các phụ kiện liên quan)	bộ	1		
95	Đèn cột xanh (gồm cả các phụ kiện liên quan)	bộ	1		
96	Đèn cột đỏ (gồm cả các phụ kiện liên quan)	bộ	1		
97	Đèn pha nóc cabin	bộ	1		
98	Đèn trần hành lang + phòng ngủ 220V	bộ	2		
99	Đèn trần hành lang + phòng ngủ 24V	bộ	2		
100	Ổ cắm đôi	bộ	8		
101	Thay dây điện cũ hỏng 2x2.5 (Dây sino)	mét	200		
D	PHẦN MÁY				
	Hệ lái				
102	Tháo bảo dưỡng toàn bộ hệ thống lái	hệ	1		
103	Tháo bánh lái + trục lái + séc tơ lái và các chi tiết liên quan; vệ sinh đo đặc lập bảng số liệu trình đăng kiểm; lắp ráp hoàn thiện	hệ			
104	Bảo dưỡng pulley dẫn hướng xích lái	Bộ	12		
	Hệ trục chân vịt	hệ	1		
105	Tháo rút chân vịt, đo độ gãy, độ lệch tâm lập bảng số liệu trình đăng kiểm, tháo rời các chi tiết đưa ra ngoài vệ sinh, kiểm tra; phục hồi côn đầu trục, rãnh then; Rà côn đầu trục với côn chân vịt, Tháo bạc kiểm tra lập bảng số liệu.	hệ	1		
	Cầu vận chuyển đưa trục chân vịt, trục trung gian lên máy tiện kiểm tra độ đồng tâm, độ vuông góc lạng tiện theo tiêu chuẩn				
	Siêu âm, kiểm tra vết nứt chân vịt				

	Sửa chữa phục hồi, hàn, nắn cánh chân vịt bị mòn, cong vênh, sai bước ...				
	Vệ sinh, mài đánh bóng chân vịt				
	Cân bằng tĩnh chân vịt				
	Lắp ráp hoàn chỉnh hệ thống				
106	Thay bạc cao su áo đồng làm kín cổ trục chân vịt	cái	2		
107	Bảo dưỡng, thay bạc gối đỡ trục chân vịt	bộ	2		
108	Thay tết kín nước trục chân vịt	trục	1		
	Hệ thống van ống				
109	Tháo vệ sinh bảo dưỡng toàn bộ hệ thống ống, công thay mới các gioăng, bulong bị hỏng; lắp lại hoàn thiện hệ thống.	tàu	1		
110	Tháo vệ sinh bảo dưỡng các van	cái	30		
111	Thử áp lực các hệ thống và lắp lại hoàn thiện	tàu	1		
112	Thay, thử áp lực hộp thông biển	cái	2		
113	Thay mới ống các loại	kg	500		
114	Mặt bích các loại	cái	12		
115	Cút các loại (D42, D48, D60)	cái	20		
116	Thay mới gioăng các loại	tàu	1		
117	Thay mới Bulong inox (ê cu, long đen nổi ống các loại)	bộ	200		
118	Thay mới rọ hút khô	cái	5		
119	Thay mới van các loại D42, D48, D60	cái	5		
120	Ổng cứu hỏa Φ 48 mm	kg	200		
121	Họng cứu hỏa	cái	2		
	Phần bơm				
	Kiểm tra, bảo dưỡng các bơm, thay vòng bi đỡ đầu trục, gioăng phốt				
122	Bơm nước biển	cái	2		
123	Bơm cứu hỏa	cái	1		
124	Bơm nước ngọt	cái	1		
125	Bơm dầu diesel	cái	1		
	Hộp số				
126	Tháo vệ sinh, kiểm tra bảo dưỡng hộp số, bộ ly hợp, bộ truyền động bánh răng; lắp lại và thử hoạt động	Bộ	1		
127	Bộ gioăng phốt hộp số	Bộ	1		
128	Thay mới các lá côn hộp số (đĩa thép + đĩa ma sát)		15		
129	Thay mới sinh hàn hộp số		1		
	Máy chính Skoda 6L 160 (135CV)	Máy	1		
130	Bảo dưỡng máy chính	máy	1		

	Bảo trì hệ thống phân phối khí:				
	Tháo, vệ sinh, kiểm tra, thay mới chi tiết hồng và lắp lại bầu giảm âm (tính cho 01 bầu)				
	Tháo, vệ sinh, kiểm tra, thay mới chi tiết hồng và lắp lại đường ống nạp từ sau bầu lọc gió				
	Tháo, vệ sinh, kiểm tra, và lắp lại mặt quy lát				
	Tháo, vệ sinh, kiểm tra, rà và lắp lại xupap hút, xả				
	Tháo, vệ sinh, kiểm tra, thay mới chi tiết hồng và lắp lại cơ cấu con đội, con cò				
	Tháo, vệ sinh, kiểm tra, và lắp lại trục cam				
	Kiểm tra, điều chỉnh khe hở nhiệt xupap hút, xả				
	Bảo trì hệ thống nhiên liệu:				
	Tháo, vệ sinh, kiểm tra, bảo dưỡng bơm nhiên liệu				
	Tháo, vệ sinh, kiểm tra, cân chỉnh, lắp lại vòi phun				
	Tháo, kiểm tra và lắp lại bơm cao áp				
	Bảo trì hệ thống bôi trơn:				
	Tháo, vệ sinh, kiểm tra, bảo dưỡng bơm dầu nhờn				
	Tháo, xả dầu nhờn cũ, thay dầu nhờn mới				
	Tháo, vệ sinh kiểm tra sinh hàn dầu				
	Bảo trì hệ thống làm mát:				
	Tháo, vệ sinh, kiểm tra, và lắp lại bầu sinh hàn nước mặn				
	Tháo, vệ sinh, kiểm tra, và lắp lại bầu sinh hàn nước ngọt				
131	Cần đặt máy chính với hộp số	máy	1		
132	Nhựa đồ cần 6.8Kg/hộp		1		
	Vật tư thay thế cho máy chính (Trung Quốc hoặc tương đương) (dự kiến)				
133	Kim phun	Bộ	6		
134	Piston plunger bơm cao áp	Cái	6		
135	Gioăng tổng thành (gồm cả phốt đầu + đuôi trục cơ)	Bộ	1		
136	Séc măng	Bộ	6		
137	Piston	Quả	6		
138	Xy lanh	Cái	6		

139	Phốt đuôi trục cơ	Cái			
140	Su páp hút + sie	Bộ	6		
141	Su páp xả + sie	Bộ	6		
142	Ống dẫn hướng supap hút + supap xả	cái	12		
143	Bạc biên	Cặp	1		
144	Bạc trục	Cặp	1		
145	Lọc dầu máy	Bộ	1		
146	Lọc dầu diesel	Bộ	1		
147	Cân chỉnh bơm cao áp, kim phun nhiên liệu và gioăng phốt bơm	bơm	1		
E	THIẾT BỊ HÀNG HẢI				
148	Bảo dưỡng phao bè cứu sinh cấp hồ sơ để tàu đăng kiểm được	Bộ	4		
149	Bảo dưỡng hệ thống cứu hỏa cấp hồ sơ để đăng kiểm	tàu	1		
F	NỘI THẤT				
150	Gỗ công nghiệp phòng ngủ thuyền viên	m2	50		
151	Gỗ công nghiệp phòng bếp	m2	22		
152	Gỗ công nghiệp phòng cabin lái	m2	35		
153	Gạch ốp tường phòng bếp	m2	12		
154	Gạch ốp nền phòng bếp	m2	5		
155	Gạch ốp tường phòng vệ sinh	m2	3		
156	Gạch ốp nền phòng vệ sinh	m2	2		
157	Lắp bình nóng lạnh (gồm cả hệ thống ống, van)	bộ	1		
158	Bơm tích áp	cái			
159	Ống nước đường nóng Ø 27	m			
160	Ống nước đường nóng Ø 27	m			
161	Cút đường nóng Ø 27	cái			
162	Cút đường lạnh Ø 27	cái			
163	Nối thẳng đường nóng Ø 27 ren	cái			
164	Nối thẳng đường lạnh Ø 27 ren	cái			
165	Bộ vòi sen	bộ			
166	Atomat 20A	bộ			
167	Bệt vệ sinh	cái			
	Tổng				
	Thuế VAT8%				
	Tổng cộng				

Bảng chữ:

PHÒNG KTCN-AT


Phan Văn Broule